TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Ý YÊN
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 52/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 23-12-2020
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Ý YÊN, TỈNH NAM ĐỊNH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Tiến Mãn

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trương Thị Dung; Bà Nguyễn Thị Hài

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền - Thư ký Toà án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 12 năm 2020, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Ý Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 200/2020/TLST-HNGĐ, ngày 02 tháng 10 năm 2020 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 200/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 04/12/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn*:* Chị Trần Thị H - Sinh năm 1993.

Địa chỉ: Thôn 8, xã IA Tô, huyện IAGrai, tỉnh Gia Lai.

Bị đơn: Anh Ninh Văn T - Sinh năm 1980.

Địa chỉ: Tổ 9, thị trấn Lâm, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa vắng mặt chị H và anh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày: Chị kết hôn với anh Ninh Văn T vào ngày 18/02/2011, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Lâm, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định; anh chị kết hôn hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống H thuận đến năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T chơi bời, không quan tâm đến vợ con mặc dù chị và gia đình đã khuyên bảo nhiều lần. Chị và anh T sống ly thân và chấm dứt mọi quan hệ vợ chồng từ tháng 6/2019 cho đến nay. Chị H xác định tình cảm vợ chồng

không còn, không thể đoàn tụ được, nên đề nghị Tòa án giải quyết để chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có hai con chung là cháu Ninh Văn Nam C, sinh ngày 15/12/2011 và cháu Ninh Văn Đức M, sinh ngày 12/4/2014. Sau ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu M để anh T nuôi dưỡng cháu C; không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Chị H xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, báo gọi nhiều lần nhưng anh Ninh Văn C không đến Tòa án làm việc.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã làm việc với anh Ninh Văn K là em trai của anh Ninh Văn T và đại diện chính quyền địa phương nơi anh T cư trú được biết: Anh T và chị H lấy nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Lâm huyện Ý Yên tỉnh Nam Định vào ngày 18/02/2011. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do kinh tế khó khăn, anh T và chị H sống ly thân và chấm dứt mọi quan hệ vợ chồng từ tháng 3/2019 cho đến nay. Anh T và chị H có hai con chung là cháu Ninh Văn Nam C, sinh ngày 15/12/2011 và cháu Ninh Văn Đức M, sinh ngày 12/4/2014. Tài sản chung, nợ chung anh T và chị H không có gì. Việc chị H làm đơn xin ly hôn, anh T đã biết, tất cả các văn bản do Tòa án gửi cho anh T đều nhận được, nhưng do công việc bận nên anh T không đến Tòa án làm việc được.

Do anh T vắng mặt, chị H có đơn đề nghị không tiến hành H giải, nên Toà án không tiến hành hoà giải được và quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa: Chủ tọa phiên tòa công bố lý do đương sự vắng mặt, tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến đánh giá quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thụ lý, tiến hành thu thập chứng cứ và thực hiện các thủ tục tố tụng đúng pháp luật. Tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án thực hiện đúng quy định của pháp luật; nguyên đơn, bị đơn được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt.

Về nội dung giải quyết vụ án: Sau khi kết hôn, chị H và anh T chung sống đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T chơi bời, không quan tâm đến vợ con mặc dù chị và gia đình đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh T không tahy

đổi; chị H và anh T đã ly thân chấm dứt mọi quan hệ vợ chồng. Vì vậy đề nghị áp dụng Điều 51, 56 của Luật hôn nhân gia đình giải quyết để chị H được ly hôn với anh T. Về con chung, chị H và anh T có hai con chung là cháu Ninh Văn Nam C, sinh ngày 15/12/2011 và cháu Ninh Văn Đức M, sinh ngày 12/4/2014. Chị H có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu M để anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu C; cháu C có nguyện vọng ở với bố. Vì vậy cần giao chị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu M; anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu C là phù hợp với Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác, chị H không yêu cầu giải quyết nên không đề cập giải quyết. Về án phí: Chị H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Theo đơn khởi kiện của chị Trần Thị H thì Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ pháp luật "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Bị đơn cư trú tại huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt với những lý do chính đáng. Sau khi thụ lý vụ án, bị đơn đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng, triệu tập hợp lệ đến Tòa án để cung cấp các tài liệu chứng cứ, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; tham gia phiên H giải, tham gia phiên tòa nhưng anh T vắng mặt không có lý do. Để mở lại phiên tòa này, Tòa án đã tiếp tục thực hiện tống đạt, thông báo đầy đủ, hợp lệ quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập phiên tòa lần hai nhưng anh T vẫn vắng mặt. Căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Điểm a, b Khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành phiên tòa xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H và anh Ninh Văn T kết hôn ngày 18/02/2011, đăng ký kết hôn tai Ủy ban nhân dân thị trấn Lâm, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị sống H thuận và có hai con chung với nhau, nhưng hạnh phúc không duy trì được. Mâu thuẫn phát sinh do anh T mải trơi không quan tâm đến vợ con; bất đồng quan điểm sống, tính cách và lối sống của vợ chồng không H hợp, chưa biết chia xẻ cùng nhau những khó khăn. Nên từ tháng 6/2019 chị H chủ động rời xa anh T, cho đến nay anh chị không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Hội đồng xét xử xét thấy, anh chị đã vi phạm nghiêm

trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H, xử cho anh chị ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Chị H và anh T đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau ly hôn. Xét yêu cầu của các bên đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy chị H có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu M; để anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu C hơn nữa cháu cháu C có nguyện vọng ở với bố. Vì vậy cần giao chị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu M; anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu C là phù hợp với Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị H và anh T có quyền, nghĩa vụ đối với con chung theo quy định tại Điều 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Chị H không đề nghị Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị Trần Thị H phải chịu án phí ly hôn theo quy định của Điều 131 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6]. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Điều 271, 272 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử ly hôn giữa chị Trần Thị H và anh Ninh Văn T.

2. Về con chung: Giao anh Ninh Văn T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ninh Văn Nam C, sinh ngày 15/12/2011; giao cho chị Trần Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ninh Văn Đức M, sinh ngày 12/4/2014. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Không ai được cản trở, quyền nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

3. Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H không yêu cầu Toà án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

4. Về án phí: Chị Trần Thị H phải nộp là 300.000đ, đối trừ với số tiền 300.000đ chị H đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0001523, ngày 02/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ý Yên. Chị H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Chị Trần Thị H, anh Ninh Văn T vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Vũ Tiến Mãn